

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT THUẾ VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH KINH TẾ SỐ, XANH HÓA NỀN KINH TẾ VÀ THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

Nguyễn Thị Thương Huyền*
Lương Thị Hà Thanh**

Tóm tắt: Bài viết giới thiệu các xu hướng mới về chính sách, pháp luật thuế và những thách thức đặt ra trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng trong kỷ nguyên mới trước những xu hướng mới của thuế toàn cầu. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra quan điểm và một số định hướng cụ thể cho việc hoàn thiện chính sách, pháp luật thuế ở Việt Nam trong bối cảnh kinh tế số, xanh hóa nền kinh tế và phát triển kinh tế tư nhân nhằm hiện thực hóa các mục tiêu cũng như các nhiệm vụ, giải pháp được thể hiện trong các Nghị quyết “Bộ tứ trụ cột” đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

Từ khóa: Kinh tế số; xanh hóa; Nghị quyết; chính sách, pháp luật thuế.

Abstract: This article introduces emerging trends in tax policy and tax law, and the challenges of implementing the Party's resolutions in the new era amid evolving global tax trends. On that basis, it presents perspectives and specific orientations for improving Viet Nam's tax policy and tax legislation in the context of the digital economy, the greening of the economy, and private-sector development, with a view to realising the objectives—and the tasks and solutions—set out in the “four pillar” resolutions package guiding the country into a new era of development.

Keywords: Digital economy; Greening; Resolutions; Tax policy; Tax law.

Đặt vấn đề

Nếu thế kỷ XX chứng kiến sự định hình của các hệ thống thuế quốc gia hiện đại, thì những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI đang chứng kiến sự tái cấu trúc sâu sắc của chúng. Ba làn sóng lớn, ba động lực không thể đảo ngược đang tạo ra áp lực cải cách pháp luật thuế vô cùng mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu. Thứ nhất, đó là sự bùng nổ của kinh tế số, vốn xóa nhòa biên giới vật lý, tạo ra các mô hình kinh doanh phi vật thể và thách thức các nguyên tắc phân bổ quyền đánh thuế truyền thống đã tồn tại hàng thế

kỷ. Thứ hai, đó là yêu cầu cấp bách của quá trình “xanh hóa” nền kinh tế, khi khủng hoảng khí hậu buộc các quốc gia phải sử dụng công cụ thuế không chỉ để tạo nguồn thu mà còn là đòn bẩy thúc đẩy đầu tư vào công nghệ sạch và phát triển bền vững. Thứ ba, đó là sự thay đổi trong các công cụ chính sách thuế nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân.

Đối với Việt Nam, những xu hướng này xuất hiện vào một thời điểm quan trọng khi chúng ta đang bắt tay vào hiện đại hóa đất nước trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển, thịnh vượng, hùng cường của dân tộc Việt Nam. Những đổi mới, cải cách được định hướng trong bốn Nghị quyết của Bộ

* PGS.TS., Học viện Tài chính

** ThS., Trường Đại học Luật Hà Nội.

chính trị, liên quan đến đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024), hội nhập quốc tế (Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025), xây dựng pháp luật (Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025) và phát triển kinh tế tư nhân (Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025). Việc thực thi thành công các Nghị quyết này phụ thuộc đáng kể vào khả năng của Việt Nam trong việc duy trì một hệ thống thuế ổn định, hiệu quả và có khả năng thích ứng.

Để giải quyết sự giao thoa này, bài viết hệ thống hóa và phân tích các xu hướng mới của chính sách thuế toàn cầu, đánh giá những thách thức mà các xu hướng này tạo ra đối với hệ thống pháp luật thuế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các định hướng và giải pháp cụ thể để thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Đảng trong kỷ nguyên mới.

1. Xu hướng mới về chính sách, pháp luật thuế toàn cầu trong bối cảnh kinh tế số, xanh hóa nền kinh tế và phát triển kinh tế tư nhân

1.1. Xu hướng thay đổi quyền đánh thuế lợi nhuận trong bối cảnh kinh tế số

Theo nguyên tắc “lãnh thổ của nghĩa vụ thuế”, quyền đánh thuế gắn liền với lãnh thổ/biên giới quốc gia, nghĩa là doanh nghiệp phải có “sự hiện diện vật chất” (cơ sở thường trú) tại một quốc gia thì quốc gia đó mới có quyền đánh thuế lợi nhuận/thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tế những công ty kỹ thuật số lớn như Google, Meta, Netflix hiện nay có thể kiếm hàng tỷ đô la từ một thị trường mà không cần một văn phòng hay nhà xưởng nào khiến nguyên tắc này đã trở nên lỗi thời. Cuộc

cách mạng về quyền đánh thuế được thể hiện tại Trụ cột 1 của Thỏa thuận Chống xói mòn cơ sở tính thuế và dịch chuyển lợi nhuận (BEPS 2.0)¹, với nội dung đề xuất một nguyên tắc mới - phân bổ lại một phần quyền đánh thuế lợi nhuận cho các “quốc gia thị trường” (market jurisdictions), nơi có người tiêu dùng, bất kể công ty đó có hiện diện vật lý ở đó hay không. Đây là sự thay đổi địa chấn trong chính sách, pháp luật thuế toàn cầu.

1.2. Xu hướng “xanh hóa” hệ thống thuế

Xu hướng “xanh hóa” hệ thống thuế đang trở thành một trụ cột chính sách toàn cầu, được xây dựng dựa trên Nguyên tắc “Người gây ô nhiễm phải trả tiền” (Polluter Pays Principle - PPP). Về bản chất, nguyên tắc này yêu cầu các chủ thể kinh tế phải “nội hóa” (internalize) các chi phí ngoại tác tiêu cực (negative externalities) - những chi phí mà toàn xã hội phải gánh chịu (như tác động đến sức khỏe cộng đồng, thiệt hại do biến đổi khí hậu) nhưng lại không được phản ánh trong chi phí tư nhân (private cost) của người gây ô nhiễm - vào chi phí sản xuất và tiêu dùng của mình². Các công cụ

¹ Sau nhiều năm phát triển, OECD đã công bố thỏa thuận BEPS 2.0 vào tháng 12/2021, kèm theo các quy tắc mẫu để giúp các quốc gia thực hiện các quy tắc thuế quốc tế mới. BEPS 2 sửa đổi các quy tắc cơ bản về phân bổ lợi nhuận đa quốc gia giữa các quốc gia. Thỏa thuận này bao gồm hai “trụ cột” chính. Trụ cột 1 sẽ tái phân bổ một phần lợi nhuận của các công ty đa quốc gia lớn nhất và có lợi nhuận cao nhất từ nơi họ kiếm được thu nhập đến nơi họ bán sản phẩm và dịch vụ. Trụ cột 2 sẽ áp dụng mức thuế tối thiểu 15% đối với lợi nhuận doanh nghiệp toàn cầu, dựa trên nơi cư trú của công ty.

² World Bank, State and trends of carbon pricing 2019, 6/2019, <https://documents1.worldbank.org/curated/en/191801559846379845/pdf/State-and-Tre>

chính sách thuế xanh, đặc biệt là các cơ chế định giá carbon, là công cụ chủ yếu để thực hiện nguyên tắc này.

Công cụ đầu tiên là *Thuế Carbon* (*Carbon Tax*), một ứng dụng kinh điển của thuế Pigou³. Bằng cách đánh thuế trực tiếp lên lượng phát thải CO₂ hoặc hàm lượng carbon trong nhiên liệu, cơ chế này áp một mức thuế cụ thể trên mỗi tấn carbon phát thải, buộc nhà sản xuất phải nội hóa chi phí ngoại tác. Điều này tạo ra một “tín hiệu giá” (price signal) rõ ràng, khuyến khích doanh nghiệp và người tiêu dùng giảm phát thải thông qua việc đầu tư vào công nghệ sạch hơn hoặc sử dụng năng lượng hiệu quả hơn. Thuế Carbon thường được coi là công cụ minh bạch, dễ quản lý và tạo nguồn thu ổn định cho ngân sách.

Cơ chế thứ hai là *Hệ thống giao dịch phát thải* (*Emissions Trading System - ETS*) hay “cap-and-trade”, thiết lập một thị trường carbon bằng cách đặt ra một mức trần phát thải (cap) và cho phép các doanh nghiệp mua bán “hạn ngạch phát thải” (trade), khiến giá carbon được xác định theo cơ chế cung cầu. Doanh nghiệp nào giảm phát thải hiệu quả có thể bán hạn ngạch dư thừa, trong khi doanh nghiệp gây ô nhiễm nhiều sẽ phải tốn thêm chi phí để mua hạn ngạch. Hiện nay, hệ thống ETS của Liên minh châu Âu (EU-ETS) là thị trường carbon lớn nhất và lâu đời nhất thế giới. Trung Quốc cũng đã vận hành thị trường ETS quốc gia từ năm 2021.

Cuối cùng, *Cơ chế điều chỉnh biên giới Carbon* (*Carbon Border Adjustment Mechanism - CBAM*) của EU, hoạt động như một loại thuế quan môi trường, đánh thuế lên hàng hóa nhập khẩu thâm dụng carbon (như thép, xi măng, nhôm, phân bón, điện, hydro). CBAM có hai mục tiêu: (i) Ngăn chặn hiện tượng “rò rỉ carbon” (carbon leakage), tức là chuyển hoạt động sản xuất sang các nước có quy định môi trường lỏng lẻo hơn; và (ii) Đảm bảo cạnh tranh công bằng cho các ngành công nghiệp nội khối EU vốn đã phải chịu chi phí định giá carbon. Trong trường hợp quốc gia xuất khẩu thiếu cơ chế định giá carbon tương đương, nhà nhập khẩu buộc phải mua chứng chỉ CBAM, với chi phí phản ánh giá carbon trên thị trường EU-ETS, cho lượng phát thải đã báo cáo⁴.

1.3. Chính sách ưu đãi thuế và “cuộc đua xuống đáy” (*Race to the Bottom*)

Quá trình toàn cầu hóa, song song với việc thúc đẩy thương mại, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và khuyến khích tái đầu tư lợi nhuận của khu vực tư nhân, đã kích hoạt một cuộc “chạy đua xuống đáy” (race to the bottom) về thuế suất. Cuộc cạnh tranh thuế tiêu cực này, biểu hiện qua việc lạm dụng ưu đãi thuế, đã làm xói mòn nghiêm trọng cơ sở thuế quốc gia và tạo điều kiện cho các tập đoàn đa quốc gia (MNE) tối ưu hóa thuế thông qua các hành vi xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận (BEPS).

nds-of-Carbon-Pricing-2019.pdf, truy cập ngày 01/8/2025.

³ James K. Boyce, *Carbon Pricing: Effectiveness and Equity*, *Ecological Economics* 150, 2018, p. 53

⁴ Trung tâm WTO và Hội nhập. (n.d.), *Dự kiến ảnh hưởng của CBAM tới xuất khẩu Việt Nam*, <https://trungtamwto.vn/xuat-khau-xanh/27942-du-kien-anh-huong-cua-cbam-toi-xuat-khau-viet-nam>

Để giải quyết tình trạng trên, Thuế tối thiểu toàn cầu (GMT) - Trụ cột 2 của giải pháp BEPS 2.0 - đã được đề xuất. GMT thiết lập một mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp tối thiểu là 15% đối với các MNEs có doanh thu trên 750 triệu Euro. Điều này nhằm loại bỏ động lực di chuyển lợi nhuận sang các khu vực có thuế suất thấp hoặc miễn thuế, đồng thời bảo vệ cơ sở thu thuế của các quốc gia lớn.

GMT được thực thi chủ yếu thông qua hai quy tắc GloBE: Quy tắc Tổng hợp thu nhập (Income Inclusion Rule - IIR)⁵, yêu cầu quốc gia mẹ đánh thuế bổ sung đối với các khoản lợi nhuận của công ty con nếu lợi nhuận đó chưa được đánh thuế đầy đủ tại quốc gia con; và Quy tắc Lợi nhuận chịu thuế dưới mức tối thiểu (Undertaxed Payments Rule - UTPR), một cơ chế dự phòng cho phép các quốc gia khác thu khoản thuế bổ sung đó nếu quốc gia mẹ không áp dụng GMT.

1.4. Thay đổi trong phương thức hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân

Trong bối cảnh GMT làm giảm hiệu quả của việc cạnh tranh bằng thuế suất thấp, một xu hướng mới đang định hình rõ nét: Sự chuyển dịch từ ưu đãi dựa trên thuế suất (rate-based incentives) sang các ưu đãi dựa trên chi tiêu (expenditure-based incentives)⁶. Thay vì miễn thuế, các quốc

gia đang chuyển sang sử dụng các tín dụng thuế có thể hoàn lại đạt chuẩn (Qualified Refundable Tax Credit - QRTC)⁷. Các tín dụng này, chẳng hạn như tín dụng cho chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D), chi phí lao động, hoặc đầu tư công nghệ xanh, được thiết kế để tuân thủ các quy tắc GloBE, cho phép các doanh nghiệp tư nhân vẫn nhận được lợi ích tài chính trực tiếp ngay cả khi họ phải nộp thuế tối thiểu 15%.

Bên cạnh đó, nhiều chính sách đặc thù được ban hành dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), như áp dụng các cơ chế thuế đơn giản hóa, chẳng hạn thuế khoán hoặc thuế dựa trên doanh thu (turnover taxes), nhằm giảm đáng kể gánh nặng tuân thủ hành chính.

Cuối cùng, một xu hướng phi tài chính nhưng có tác động mạnh mẽ là tăng cường tính chắc chắn, minh bạch và hiệu quả của quản lý thuế. Việc số hóa toàn diện công tác quản lý thuế, đơn giản hóa thủ tục được xem là yếu tố then chốt để giảm chi phí giao dịch, tạo ra một môi trường pháp lý ổn định và dễ dự đoán, qua đó khuyến khích đầu tư tư nhân dài hạn.

2. Một số thách thức đặt ra khi triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng trước những xu hướng mới của thuế toàn cầu trong bối cảnh kinh tế số, xanh hóa nền kinh tế và phát triển kinh tế tư nhân

2.1. Thách thức từ sự phát triển của kinh tế số, các mô hình kinh doanh mới và sự xác lập lại nguyên tắc đánh thuế lợi nhuận

⁵ OECD, *Tax Incentives and the Global Minimum Corporate Tax: Reconsidering Tax Incentives after the GloBE Rules*, OECD Publishing, Paris, 6/10/2022.

⁶ OECD, *Corporate Effective Tax Rates for R&D: The case of expenditure-based R&D tax incentives*, 2021, https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2021/07/corporate-effective-tax-rates-for-r-d_db28482c/ff9a104f-en.pdf, truy cập ngày 05/8/2025.

⁷ OECD Pillars, <https://oecdpillars.com/pillar-tab/qualified-refundable-tax-credits/>, truy cập ngày 05/8/2025.

Nhận thức được vai trò then chốt của kinh tế số trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư - vốn được Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) khẳng định là “động lực chính để tăng trưởng bao trùm, sáng tạo và bền vững”⁸ - Chính phủ Việt Nam đã sớm ban hành các chính sách mang tầm nhìn dài hạn. Trong đó, nổi bật là Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó cũng đặt ra mục tiêu, đến năm 2030 kinh tế số sẽ đóng góp tối thiểu 30% GDP, với các lĩnh vực mũi nhọn, gồm: Thương mại điện tử, công nghiệp số, nông nghiệp thông minh, tài chính - ngân hàng số và dịch vụ công trực tuyến⁹.

Gần đây, chiến lược này đã được nhấn mạnh trong định hướng của Đảng, thông qua Nghị quyết số 57-NQ/TW, trong đó khẳng định: “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để... đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới”. Nghị quyết số 57-NQ/TW không chỉ tái khẳng định mục tiêu của Chiến lược trên, mà còn bổ sung một tầm nhìn xa hơn đến năm 2045, khi Việt Nam đặt mục tiêu có quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GDP.

⁸ OECD, *Tax Challenges Arising from the Digitalisation of the Economy - Administrative Guidance on the Global Anti - Base Erosion Model Rules (Pillar Two)*, 20/12/2021, https://www.oecd.org/en/publications/tax-challenges-arising-from-digitalisation-of-the-economy-global-anti-base-erosion-model-rules-pillar-two_782bac33-en.html, truy cập ngày 20/10/2025.

⁹ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Tuy nhiên, chính sách, pháp luật hiện hành vẫn còn lúng túng trong việc định danh và quản lý thuế đối với nhiều hoạt động kinh doanh mới trong nền kinh tế số: Thương mại điện tử qua các sàn (Shopee, Lazada, TikTok Shop...), kinh doanh của các KOL (Key Opinion Leader) và KOCs (Key Opinion Consumer)¹⁰, dịch vụ tài chính xuyên biên giới, kinh doanh tài sản ảo... Vụ việc một cá nhân ở Tp. Hồ Chí Minh bị truy thu và phạt hơn 4 tỷ đồng tiền thuế từ thu nhập viết phần mềm trên Google Play và App Store là một ví dụ điển hình cho thấy sự chênh lệch lớn giữa tốc độ phát triển của công nghệ và sự thích ứng của chính sách thuế.

Mặt khác, nhiều doanh nghiệp công nghệ lớn như Google, Facebook, Amazon, Apple có thể cung cấp dịch vụ tại một quốc gia mà không cần có trụ sở hay sự hiện diện vật lý tại đó. Điều này khiến các nước, trong đó có Việt Nam, gặp khó khăn trong việc đánh thuế các công ty này, dẫn đến tình trạng thất thu thuế. Cụ thể, doanh thu quảng cáo mà Google hay Facebook kiếm được từ hàng triệu người dùng Việt Nam phần lớn không bị đánh thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tại Việt Nam vì họ không có “cơ sở thường trú” theo định nghĩa truyền thống. Khi Trụ cột 1 được thực thi, Việt Nam sẽ có quyền đánh thuế trên một phần lợi nhuận toàn cầu của các tập đoàn này, tương ứng với phần doanh thu họ tạo ra từ thị trường Việt Nam.

¹⁰ Kinh doanh theo nhiều cách, chủ yếu xoay quanh việc tận dụng sức ảnh hưởng của mình để quảng bá sản phẩm, dịch vụ và kiếm tiền. Các hoạt động kinh doanh chính bao gồm: Hợp tác với các nhãn hàng, quảng cáo sản phẩm, làm tiếp thị liên kết, livestream bán hàng, và tham gia các sự kiện.

Tuy nhiên, việc triển khai Trụ cột 1 vô cùng phức tạp, nhất là trong việc xác định chính xác doanh thu từ một thị trường cũng như tránh đánh thuế hai lần. Hiện nay, khi chưa đạt được giải pháp phối hợp toàn cầu, để đảm bảo nguồn thu ngân sách, một số quốc gia đã thông qua biện pháp thuế dịch vụ kỹ thuật số (DST)¹¹ đơn phương như Pháp, Ý, Tây Ban Nha và Anh¹². Điều này có thể tạo ra việc đánh thuế hai lần về mặt pháp lý đối với các nhà cung cấp kỹ thuật số nước ngoài (do đánh thuế trên thu nhập tại quốc gia cư trú, cũng như bị đánh thuế trên doanh thu tại các khu vực pháp lý thị trường nơi họ hoạt động), gây ra căng thẳng trong quan hệ thương mại giữa các quốc gia, đặc biệt đối với các quốc gia có nhiều tập đoàn công nghệ lớn như Hoa Kỳ.

2.2. Thách thức từ xu hướng “xanh hóa” hệ thống thuế

Xu hướng toàn cầu hiện nay là sử dụng “Thuế xanh” (Green Tax) như một cách tiếp cận chính sách, bao gồm thuế carbon, thuế đối với các sản phẩm gây ô nhiễm (túi nilon, nhiên liệu hóa thạch...) và các ưu đãi cho hoạt động “xanh” (năng lượng tái tạo, xe điện,...), nhằm mục tiêu kép: Tạo nguồn thu và định hình lại hành vi của nhà sản xuất lẫn người tiêu dùng theo hướng bền vững hơn.

Tại Việt Nam, Thuế Bảo vệ môi trường (BVMT) hiện hành có phạm vi hẹp và mức thu thấp, chưa đủ sức răn đe. Việc áp dụng

thuế carbon riêng biệt đang đối mặt với các thách thức lớn¹³. Thứ nhất, nguy cơ đánh thuế hai lần (do trùng lặp với Thuế BVMT vốn đã đánh vào nhiên liệu hóa thạch theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”). Thứ hai, chi phí hành chính và kỹ thuật để thiết lập hệ thống Giám sát, Báo cáo, Thẩm tra (MRV) là rất cao. Đây là điều kiện tiên quyết để xác định cơ sở thuế chính xác, trong khi phần lớn ngành công nghiệp Việt Nam chưa có hệ thống này. Hơn nữa, các công cụ khác như thị trường carbon, các chính sách ưu đãi, hỗ trợ, các cơ chế hợp tác công tư... cũng cần được ưu tiên áp dụng.

Trong khi đó, áp lực từ bên ngoài ngày càng gia tăng, đặc biệt từ CBAM - Cơ chế được đánh giá sẽ làm giảm năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam, khiến hàng hóa của Việt Nam sẽ trở nên đắt đỏ hơn khi vào EU so với các sản phẩm được sản xuất tại EU hoặc tại các nước đã có hệ thống định giá carbon, đồng thời gây mất nguồn thu tiềm năng. Lý do là nếu Việt Nam không tự định giá carbon trong nước, doanh nghiệp sẽ phải nộp khoản “thuế carbon” này cho ngân sách EU. Điều này buộc Việt Nam phải đẩy nhanh việc xây dựng thị trường carbon nội địa để bảo vệ lợi ích kinh tế và thực hiện cam kết COP26.

Cuối cùng, chính sách thuế xanh đòi hỏi sự cân bằng giữa “cây gậy” (The Stick) – “Biện pháp răn đe” và “củ cà rốt” (The Carrot) – “Biện pháp khuyến khích”. Việc thiết kế các ưu đãi thuế hiệu quả - như miễn,

¹¹ Thuế dịch vụ kỹ thuật số đánh theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu từ các dịch vụ kỹ thuật số (ví dụ: Quảng cáo trực tuyến, nền tảng số, dữ liệu người dùng).

¹² Nguyễn Nhâm, *Thuế dịch vụ kỹ thuật số: Xu hướng, rào cản và giải pháp quốc tế*, Tạp chí thị trường tài chính tiền tệ, số 10/2021.

¹³ Phan Thành Dương, Nguyễn Thị Thu Hiền, *Thuế carbon, kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị hoàn thiện pháp luật ở Việt Nam*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, tháng 12/2022.

giảm thuế TNDN cho năng lượng tái tạo, tín dụng thuế cho R&D công nghệ xanh và kinh tế tuần hoàn - là phù hợp với xu hướng hỗ trợ cho kinh tế tư nhân hiện nay theo Nghị quyết số 68-NQ/TW, do đó đặt ra áp lực lớn cho việc hoàn thiện chính sách, pháp luật thuế.

2.3. Thách thức từ việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu với chính sách thu hút đầu tư nước ngoài

Việt Nam hiện là điểm đến FDI hấp dẫn với các đối tác lớn như Hàn Quốc, Nhật Bản và Singapore. Việc áp dụng GMT 15% sẽ tác động trực tiếp đến các tập đoàn lớn đang hưởng thuế suất ưu đãi, buộc họ phải nộp thuế bổ sung. Chính sách này mang lại cơ hội cho Việt Nam, như: Tăng nguồn thu ngân sách nhà nước (NSNN), tăng cường hội nhập quốc tế, và giảm thiểu các hiện tượng trốn thuế, tránh thuế, chuyển giá, chuyển lợi nhuận...

Tuy nhiên, thách thức là rất lớn. Thứ nhất, các chính sách ưu đãi đầu tư cốt lõi thông qua miễn, giảm thuế bị suy giảm hiệu lực, kéo theo sự sụt giảm sức cạnh tranh thu hút FDI. Thứ hai, công tác quản lý thuế trở nên phức tạp hơn trong bối cảnh kinh tế số, đặc biệt khi năng lực quản lý và chính sách thuế giữa các quốc gia còn chênh lệch lớn, tạo ra những lỗ hổng về chính sách thuế và quản lý thuế có thể bị các MNE lợi dụng, khai thác, làm giảm nghĩa vụ thuế của mình dẫn đến thất thu ngân sách quốc gia¹⁴. Thứ ba, GMT có thể tác động gián tiếp đến SME trong nước. Khi các MNE chịu thuế cao hơn, họ có thể chuyển một phần chi phí này

sang các nhà cung cấp nội địa, gây áp lực lên giá thành và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.

Cuối cùng, các quốc gia trong khu vực, chẳng hạn như Thái Lan, Indonesia, Malaysia cũng đang chuẩn bị để đối phó với những thay đổi trong hệ thống thuế toàn cầu. Điều này đồng nghĩa với việc Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh không chỉ về thuế suất mà còn về các điều kiện đầu tư, hạ tầng và chất lượng lao động. Để giữ vững vị thế cạnh tranh, Việt Nam cần có những chiến lược toàn diện hơn để cải thiện môi trường đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại¹⁵.

2.4. Thách thức từ việc áp dụng chính sách thuế đối ứng của Mỹ cũng như các Hiệp định thương mại tự do và sự mất cân đối trong cơ cấu thu ngân sách

Hệ thống thu NSNN của Việt Nam đang đối mặt với các thách thức lớn từ cả bên ngoài lẫn các điểm nghẽn nội tại.

Về áp lực bên ngoài, đầu tiên, với việc Mỹ là thị trường xuất khẩu trọng điểm, chính sách thuế đối ứng của Mỹ có thể tạo ra rủi ro kép: Thứ nhất, giảm doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu và các doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng hàng hóa xuất khẩu sang Mỹ (doanh nghiệp cung ứng nguyên phụ liệu, tham gia gia công, đóng gói, logistic...); từ đó làm giảm doanh thu, lợi nhuận và số thuế nộp vào NSNN sẽ giảm (như thuế TNDN, giá trị gia tăng...). Bên cạnh đó, Việt Nam phải cân nhắc các giải pháp điều chỉnh

¹⁴ Nguyễn Văn Phụng, *Tác động của thuế tối thiểu toàn cầu đến doanh nghiệp FDI tại Việt Nam*, Tạp chí Tài chính, 1(802), 2023, 34-37.

¹⁵ Dương Hoàng Linh, *Đánh giá tác động của thuế tối thiểu toàn cầu tới thu hút FDI của Việt Nam và giải pháp ứng phó*, Đề tài cấp Bộ - Bộ Tài chính, 2024.

chính sách để ứng phó như giảm thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu từ Mỹ, một số mặt hàng sẽ được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới thấp hơn trước đây. Điều này sẽ ảnh hưởng đến số thu NSNN¹⁶.

Thứ hai, việc thực thi 16 Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã gây ảnh hưởng nhất định tới số thu từ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Tỷ trọng thu từ thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu trong tổng thu NSNN giảm từ mức 9,1% năm 2011 xuống mức 5,7% năm 2017; 4,1% năm 2022 và 3% năm 2023, 2024¹⁷. Sự sụt giảm nguồn thu truyền thống này tạo ra thách thức trong việc huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu đến năm 2030 theo Nghị quyết số 57-NQ/TW (như TFP đóng góp trên 55% và xuất khẩu công nghệ cao đạt 50% vào năm 2030).

Về các điểm nghẽn nội tại, cơ cấu thu NSNN bộc lộ sự mất cân đối. Hệ thống thuế vẫn phụ thuộc chủ yếu vào các loại thuế gián thu, vốn có ưu điểm dễ thu nhưng mang tính “lũy thoái” (gây gánh nặng lớn hơn cho người thu nhập thấp). Trong khi đó, tỷ trọng thuế trực thu, đặc biệt là thuế tài sản (như thuế nhà ở, thuế đất phi nông nghiệp), còn rất khiêm tốn. Thêm vào đó,

nguồn thu ngân sách đang dựa nhiều vào các khoản thu không bền vững, mang tính chất một lần, điển hình là thu tiền sử dụng đất (chiếm hơn 11% tổng thu NSNN năm 2024)¹⁸. Đây là một thách thức lớn trong việc thực thi nguyên tắc công bằng và phân phối lại.

3. Định hướng hoàn thiện chính sách, pháp luật thuế trong bối cảnh kinh tế số, xanh hóa nền kinh tế và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam

3.1. Quan điểm chung

Trong bối cảnh thế giới đang có những thay đổi mang tính thời đại, để đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình phát triển bứt phá, giàu mạnh, hùng cường dưới sự lãnh đạo của Đảng, cùng với việc thực hiện cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy, phấn đấu tăng trưởng kinh tế “hai con số”, công tác xây dựng và thi hành chính sách, pháp luật phải được đổi mới căn bản, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Định hướng hoàn thiện chính sách, pháp luật thuế trong bối cảnh kinh tế số, xanh hóa nền kinh tế và phát triển kinh tế tư nhân nhằm thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết lớn của Đảng trong kỷ nguyên mới phải dựa trên Mục tiêu tổng quát, Mục tiêu cụ thể cũng như các Nhiệm vụ, giải pháp được thể hiện trong Nghị quyết “Bộ tứ trụ cột” đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới. Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên

¹⁶ Trước khi Mỹ công bố chính sách thuế đối ứng, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 31/3/2025 sửa đổi, bổ sung mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của một số mặt hàng tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi. Theo đó, một số mặt hàng như ô tô, gỗ, Ethanol, dầu gà đông lạnh, hạt dẻ cười, hạnh nhân, quả táo tươi, cherry, nho khô... sẽ được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới thấp hơn trước đây.

¹⁷ Báo cáo về “Cung cấp kinh nghiệm quốc tế và đề xuất các giải pháp liên quan đến các mục tiêu phát triển bền vững” - Bộ Tài chính, năm 2025.

¹⁸ Báo cáo về “Cung cấp kinh nghiệm quốc tế và đề xuất các giải pháp liên quan đến các mục tiêu phát triển bền vững” - Bộ Tài chính, năm 2025.

mới đã khẳng định “*Công tác xây dựng pháp luật phải thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng; xuất phát từ lợi ích toàn cục của đất nước; đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh*”.

Trước những mục tiêu cũng như nhiệm vụ, giải pháp đã được thể hiện trong các Nghị quyết của Đảng, cũng như trước xu hướng thuế toàn cầu, việc cải cách chính sách, pháp luật thuế không còn là một lựa chọn, mà là một yêu cầu bắt buộc để đảm bảo sự tự chủ về ngân sách, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và thực hiện các cam kết quốc tế trong bối cảnh kinh tế số và xu hướng xanh hóa nền kinh tế. Cần thực hiện hoàn thiện đồng bộ cả hệ thống chính sách, pháp luật thuế trên cơ sở nghiên cứu, xây dựng các chính sách, pháp luật thuế mới và sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật thuế chủ chốt hiện hành để thích ứng với bối cảnh mới và tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật thuế theo hướng hiện đại hóa quản lý thuế dựa trên công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, và một số công nghệ mới nổi.

3.2. Một số định hướng cụ thể

Một là, nghiên cứu, xây dựng chính sách, pháp luật về thuế dịch vụ kỹ thuật số: Nếu như cách đây 10 năm, các ngành nghề kinh doanh truyền thống như ngân hàng và năng lượng chiếm ưu thế, thì hiện nay các Công ty công nghệ lại đang chiếm ưu thế phát triển. Theo tính toán của kênh truyền hình CNBC (Mỹ), trung bình các công ty kỹ thuật số chỉ phải trả 9,5% thuế thu nhập, còn các doanh nghiệp truyền thống phải trả đến 23,2%. Trong khi đó, số

lượng các công ty công nghệ chỉ khoảng 10%, nhưng lợi nhuận chiếm tới 80% toàn thế giới¹⁹. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, mục tiêu đến năm 2030: “*Tối thiểu có 5 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến*” và đến năm 2045: “*Tỉ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển; tối thiểu có 10 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến. Thu hút thêm ít nhất 5 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam*”. Vì vậy, việc nghiên cứu, xây dựng các chính sách, pháp luật về thuế dịch vụ kỹ thuật số là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, việc xây dựng chính sách thuế đối với dịch vụ kỹ thuật số gặp không ít khó khăn, vì một phần thuế trực tiếp dự kiến mà các công ty kỹ thuật số không cư trú phải trả có thể sẽ được chuyển sang khách hàng địa phương, những người đã chịu gánh nặng thuế gián thu. Theo nghiên cứu mới đây của Deloitte, gánh nặng thuế sẽ chủ yếu do người tiêu dùng chịu (55%), phần còn lại (40%) sẽ do các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ chịu. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chỉ chịu khoảng 5%²⁰. Vì vậy, việc đánh thuế dịch vụ kỹ thuật số cần hướng đến thống nhất một thỏa thuận mang tính quốc tế, với những giải pháp thỏa đáng, đồng bộ, dài hạn, vừa tạo tính công bằng trong việc nộp thuế, vừa góp phần

¹⁹ Tanzi, Vito, *Lakes, Oceans, and Taxes: Why the World Needs a World Tax Authority*, In Global Tax Fairness, edited by Thomas Pogge and Krishen Mehta, Oxford Scholarship Online, March 2016.

²⁰ Cristian Óliver Lucas-Mas, Raúl Félix Junquera-Varela, *Tax Theory Applied to the Digital Economy: A Proposal for a Digital Data Tax and a Global Internet Tax Agency*, International Bank for Reconstruction and Development, 2021.

phát triển bền vững và hạn chế gia tăng căng thẳng trong hoạt động thương mại quốc tế. Hiện nay, do hệ thống thuế quốc tế chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế số, những tập đoàn công nghệ lớn vẫn tiếp tục thu lợi nhuận khổng lồ mà không phải đóng thuế hoặc đóng thuế thấp cho tới khi đạt được giải pháp thuế quốc tế dài hạn.

Hai là, nghiên cứu, xây dựng chính sách, pháp luật về thuế Carbon: Nghị quyết số 59-NQ/TW đã xác định mục tiêu cốt lõi là “*tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài*” để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và “*đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ*” nhằm phát triển bền vững (PTBV). Để thực hiện mục tiêu PTBV và mở rộng không gian PTBV, nhiều quốc gia đã tăng cường huy động nguồn lực nội địa và cải thiện năng lực quốc gia thông qua công cụ cải cách thuế hoặc cải cách tài khóa, lên chiến lược huy động nguồn lực mới, tăng cường kiểm toán và nâng cao hiệu quả quản lý thuế, nâng cao nhận thức về tuân thủ thuế. Các quốc gia đang phát triển chủ yếu thực hiện các biện pháp rà soát lại các chính sách thuế, cải cách các sắc thuế. Trong khi đó, các quốc gia phát triển thực hiện triển khai hoặc hỗ trợ sự phát triển của các sáng kiến thuế mới, như cấu trúc lại hệ thống thuế. Với cơ sở nền tảng của việc áp thuế carbon là đưa ra chi phí bổ sung cho mỗi tấn CO₂ phát thải vào khí quyển, vì vậy nhiều nhà kinh tế học hàng đầu gợi ý nên bắt đầu thực hiện với mức thuế suất khiêm tốn, sau đó tăng hàng năm²¹. Ví dụ trường hợp của

British Columbia (Canada), thuế suất ban đầu tương đối thấp (10 CAD/tấn) và đã tăng lên 5 CAD mỗi năm đến khi đạt được thuế suất là 30 CAD/tấn năm 2012, mục đích là để cho các công ty và hộ gia đình có thời gian để điều chỉnh theo hệ thống quản lý carbon mới. Một ưu điểm lớn của thuế carbon là nguồn thu có thể được đầu tư trở lại cho lĩnh vực môi trường, khắc phục hạn chế của thuế tài nguyên và thuế BVMT. Vì vậy, hoàn toàn có cơ sở cho việc áp dụng thuế carbon vào hệ thống thuế hiện hành của Việt Nam nhằm giảm phát thải khí nhà kính, góp phần chống biến đổi khí hậu.

Tuy nhiên, việc triển khai cần một lộ trình thử nghiệm cẩn trọng, song song với các biện pháp giảm phát thải truyền thống, nhằm duy trì ổn định vĩ mô, tránh xung đột các mục tiêu trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu có nhiều biến động, phù hợp với xu thế và động thái của các quốc gia trên thế giới trong việc áp dụng thuế carbon, cũng như cho doanh nghiệp thời gian đổi mới công nghệ²². Việt Nam đứng trước hai lựa chọn: (i) Tích hợp thuế carbon vào Thuế BVMT, hoặc (ii) Ban hành thuế carbon độc lập. Hạn chế lớn nhất của phương án (i) là nguồn thu từ thuế carbon sẽ không thể hạch toán riêng cho các hoạt động môi trường, làm giảm hiệu quả của chính sách trong việc giảm phát thải²³.

org/blog/2008/10/18/a-question-of-balance-finding-the-optimal-carbon-tax-rate/.

²² Vũ Thị Loan, *Xu hướng áp dụng thuế carbon và bài học cho Việt Nam*, 20/4/2023, <https://www.thien-nhien.net/2023/04/20/xu-huong-ap-dung-thue-carbon-va-bai-hoc-cho-viet-nam/>, truy cập ngày 03/8/2025.

²³ Như trên.

²¹ Handley, James, *Câu hỏi về cân bằng tìm ra thuế suất carbon tốt nhất*, 2008, <https://www.carbontax.org/>.

Việc xây dựng chính sách cũng đòi hỏi phải giải quyết các câu hỏi pháp lý và kinh tế phức tạp: (i) Mô hình nào (thuế carbon trực tiếp hay Hệ thống giao dịch phát thải - ETS) phù hợp hơn với điều kiện thể chế và trình độ quản lý của Việt Nam? (ii) Đánh giá tác động kinh tế - xã hội đến các ngành kinh tế mũi nhọn và nhóm dân cư dễ bị tổn thương; (iii) Làm thế nào để dung hòa cơ chế CBAM của EU với các nguyên tắc của WTO, đặc biệt là nguyên tắc không phân biệt đối xử, và (iv) Việt Nam có thể sử dụng công cụ pháp lý quốc tế nào để bảo vệ lợi ích của mình trước sức ép của cơ chế CBAM?

Trên thực tế, Việt Nam đã có bước đi cụ thể trong việc xây dựng thị trường carbon. Nghị định số 06/2022/NĐ-CP đã tạo hành lang pháp lý, dự kiến vận hành thử nghiệm sàn giao dịch tín chỉ carbon từ năm 2025 và chính thức từ năm 2028. Đây là bước đệm quan trọng để làm quen với cơ chế định giá carbon trước khi xem xét áp dụng thuế carbon.

Ba là, sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về thuế bảo vệ môi trường và thuế tài nguyên góp phần xanh hóa nền kinh tế

Định hướng giải pháp này được dựa trên cơ sở nhiệm vụ, giải pháp đã được ghi nhận tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, đó là “*Chủ trọng phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược. Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước, nhất là*

đất hiếm để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo”.

- *Đối với thuế bảo vệ môi trường (BVMT):* Để hạn chế phát thải khí CO₂, đồng thời đảm bảo các khoản thu từ thuế BVMT, cần điều chỉnh chính sách thuế BVMT theo hướng: (i) Bổ sung một số mặt hàng vào danh mục đối tượng chịu thuế, bao gồm: Phân bón hóa học, chất tẩy rửa, khí than, khí thiên nhiên và thuốc lá vào đối tượng chịu thuế BVMT, do các sản phẩm này đều chứa các chất gây ô nhiễm, có hại cho sức khỏe và môi trường. (ii) Đề xuất đưa túi ni-lông vào danh mục hàng hóa cấm sản xuất và tiêu thụ do sản phẩm này gây hại cho môi trường ở mọi khâu, từ sản xuất (tiêu tốn năng lượng, phát thải) đến thải bỏ, gây ô nhiễm và thúc đẩy biến đổi khí hậu. (iii) Cần nghiên cứu tăng mức thuế suất thuế BVMT để có tác dụng khuyến khích người gây ô nhiễm môi trường giảm lượng chất thải ra môi trường theo nguyên tắc: Người gây ô nhiễm phải trả tiền và người sử dụng phải trả tiền.

- *Đối với thuế tài nguyên:* Để góp phần bảo vệ, khai thác tài nguyên hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả, kinh nghiệm quốc tế cho thấy, để giảm bớt các hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên quá mức, một số quốc gia (Philippines, Trung Quốc, Indonesia...) áp dụng thuế tài nguyên theo hướng bổ sung thêm các loại tài nguyên vào đối tượng chịu thuế và tăng thuế suất đối với số loại tài nguyên đang là đối tượng chịu thuế nhằm tác động vào hành vi khai thác của doanh nghiệp. Do đó, Việt Nam cũng cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện chính sách thuế tài nguyên: (i) Bổ sung một số tài nguyên giá trị cao (san hô đỏ, đá

bazan dạng cột, đất hiếm) vào đối tượng chịu thuế để hạn chế việc khai thác cạn kiệt các tài nguyên này, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế; (ii) Nghiên cứu căn cứ cụ thể để phân biệt sản phẩm đã qua chế biến với nguyên liệu thô chưa qua chế biến, hoặc đã thành sản phẩm khác, để xác định sản lượng và giá tính thuế phù hợp, đồng bộ với chính sách hiện hành, để khuyến khích chế biến sâu, nâng cao giá trị tài nguyên trong nước. Bên cạnh đó, cần có quy định thống nhất về nguyên tắc quy đổi sản lượng tính thuế theo tỷ lệ để thống nhất áp dụng giữa các địa phương; (iii) Quy định bổ sung giá tính thuế không được thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định để tạo thuận lợi cho công tác quản lý và tránh thất thu thuế tài nguyên; (iv) Xem xét điều chỉnh tăng thuế suất đối với các loại tài nguyên không tái tạo như than, dầu thô, khí thiên nhiên, khí than...

Bốn là, tiếp tục sửa đổi, bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, nhằm tạo hành lang pháp lý hiệu quả, khuyến khích doanh nghiệp tư nhân phát triển

Định hướng giải pháp này gắn với các mục tiêu cụ thể đã được xác định tại Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, đến năm 2030: “*Phần đầu có 2 triệu doanh nghiệp tư nhân; Đóng góp của kinh tế tư nhân vào GDP khoảng 55-58%; Đóng góp vào ngân sách nhà nước khoảng 35-40%*”; “*Phần đầu đến năm 2045 có ít nhất 3 triệu doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế; đóng góp khoảng trên 60% GDP*”.

- *Đối với thuế TNDN*: Ngoài việc nội luật hóa Thuế tối thiểu toàn cầu, cụ thể là

ban hành quy định về “Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn” (Qualified Domestic Minimum Top-up Tax - QDMTT) để giành quyền đánh thuế, song song đó là rà soát lại toàn bộ hệ thống ưu đãi thuế để đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với các chuẩn mực mới. Đặc biệt là các ưu đãi thuế đối với các SME; chú trọng chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư mạo hiểm, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo kể từ thời điểm phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Miễn thuế TNDN cho các cá nhân, tổ chức đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- *Đối với Thuế thu nhập cá nhân*: Nghiên cứu sửa đổi toàn diện theo hướng điều chỉnh lại các bậc thuế và thuế suất cho phù hợp hơn, nâng mức giảm trừ gia cảnh để phản ánh đúng biến động của giá cả, và có cơ chế khấu trừ hợp lý hơn đối với thu nhập từ đầu tư, chuyển nhượng vốn; chú trọng chính sách miễn thuế thu nhập cá nhân cho các cá nhân, tổ chức đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân cho các chuyên gia, nhà khoa học làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- *Đối với thuế giá trị gia tăng*: Nghiên cứu mở rộng cơ sở thuế sang các dịch vụ mới phát sinh trong nền kinh tế số; nghiên cứu theo hướng giảm bớt số lượng nhóm

hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế và các mức thuế suất khác nhau, tiến tới áp dụng một mức thuế suất chung (có thể có một mức ưu đãi cho hàng thiết yếu).

- *Đối với thuế tiêu thụ đặc biệt*: Mở rộng đối tượng chịu thuế sang các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe, môi trường như đồ uống có đường, sản phẩm nhựa dùng một lần... và xây dựng lộ trình tăng thuế suất đối với thuốc lá, rượu bia.

Năm là, tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật thuế theo hướng hiện đại hóa quản lý thuế dựa trên công nghệ số

Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã đưa ra mục tiêu: *“Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến; từng bước làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi”*.

Để thực hiện quản lý thuế một cách hiệu quả dựa trên dữ liệu (data-driven tax administration), trước hết cần thiết kế chính sách, pháp luật để xây dựng trung tâm dữ liệu lớn về người nộp thuế, kết nối thông tin từ cơ quan thuế, cơ quan hải quan, cơ quan đăng ký kinh doanh, đất đai, ngân hàng và đặc biệt là các sàn thương mại điện tử. Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích hành vi, phát hiện các

dấu hiệu bất thường, các chuỗi mua bán hóa đơn đáng ngờ và các hành vi trốn thuế tinh vi. Xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật có hiệu quả về quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ, tập trung nguồn lực vào những doanh nghiệp, cá nhân có rủi ro cao. Xây dựng cơ chế quản lý thuế hiệu quả cho kinh tế số và xanh đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu môi trường và mục tiêu tăng trưởng.

Kết luận

Chính sách, pháp luật thuế không đơn thuần chỉ là công cụ thu ngân sách nhà nước mà còn là đòn bẩy quan trọng cho phát triển kinh tế tư nhân, hỗ trợ chuyển đổi mô hình tăng trưởng bền vững, tạo động lực cho khoa học - công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế sâu rộng. Theo đó, chính sách pháp luật thuế Việt Nam đang đứng trước một cuộc cải cách mang tính lịch sử, sâu rộng và toàn diện nhất từ trước đến nay. Quá trình này không chỉ đòi hỏi quyết tâm chính trị, mà còn cần một nền tảng lý luận khoa học vững chắc và những bằng chứng thực nghiệm thuyết phục. Đây chính là “sân khấu” rộng lớn cho các nhà nghiên cứu về chính sách, pháp luật thuế đưa ra các giải pháp để hiện thực hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong các Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; về phát triển kinh tế tư nhân.